UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2036 /QĐ-SXD

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội, về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Trên cơ sở nội dung thống nhất liên ngành: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, các Ban QLDA ĐTXD các công trình (Hạ tầng kỹ thuật và Nông nghiệp, Dân dụng, Giao thông) thành phố Hà Nội, Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội thống nhất theo Báo cáo số 1041.02/2026/BC-VIC ngày 22/10/2026 về kết quả xây dựng phương án công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội của Công ty cổ phần Thẩm định giá và Thương mại VIC;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng tại Báo cáo số 642/BC-KTXD ngày 23/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại các Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Chính phủ (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này*).

Việc chuyển tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND Thành phố; (*để b/c*)
- Bộ Xây dựng; (*để b/c*)
- Đ/c Giám đốc Sở; (*để b/c*)
- Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND TP;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng Sở; *(để đăng tải trên website của Sở)*
- Lưu: VT, KTXD(Đ-TA).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Trần Hữu Bảo

PHỤ LỤC:

BẢNG ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-SXD ngày ...../..../2026
của Sở Xây dựng Hà Nội)

1. Phân vùng

Vùng I: Gồm các phường Hoàn Kiếm, Cửa Nam, Ba Đình, Ngọc Hà, Giảng Võ, Hai Bà Trưng, Vĩnh Tuy, Bạch Mai, Đống Đa, Kim Liên, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Láng, Ô Chợ Dừa, Hồng Hà, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Vĩnh Hưng, Tương Mai, Định Công, Hoàng Liệt, Yên Sở, Thanh Xuân, Khương Đình, Phương Liệt, Cầu Giấy, Nghĩa Đô, Yên Hoà, Tây Hồ, Phú Thượng, Tây Tựu, Phú Diễn, Xuân Đỉnh, Đông Ngạc, Thượng Cát, Từ Liêm, Xuân Phương, Tây Mỗ, Đại Mỗ, Long Biên, Bồ Đề, Việt Hưng, Phúc Lợi, Hà Đông, Dương Nội, Yên Nghĩa, Phú Lương, Kiến Hưng, Thanh Liệt, Chương Mỹ, Sơn Tây, Tùng Thiện và các xã Thanh Trì, Đại Thanh, Nam Phù, Ngọc Hồi, Thượng Phúc, Thường Tín, Chương Dương, Hồng Vân, Phú Xuyên, Thanh Oai, Bình Minh, Tam Hưng, Dân Hòa, Phú Nghĩa, Xuân Mai, Trần Phú, Hoà Phú, Quảng Bị, Yên Bài, Đoài Phương, Thạch Thất, Hạ Bằng, Tây Phương, Hoà Lạc, Yên Xuân, Quốc Oai, Hưng Đạo, Kiều Phú, Phú Cát, Hoài Đức, Dương Hoà, Sơn Đồng, An Khánh, Gia Lâm, Thuận An, Bát Tràng, Phù Đổng, Thư Lâm, Đông Anh, Phúc Thịnh, Thiên Lộc, Vĩnh Thanh, Mê Linh, Yên Lãng, Tiến Thắng, Quang Minh, Sóc Sơn, Đa Phúc, Nội Bài, Trung Giã, Kim Anh, Ô Diên, Liên Minh;

Vùng II: Gồm các xã, phường còn lại.

2. Bảng đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn

Đơn vị: Đồng/ngày

Stt	Nhân công xây dựng	Loại công tác xây dựng	Vùng I	Vùng II
I	**Nhóm nhân công xây dựng**			
1	Nhóm 1	Chuẩn bị mặt bằng, phá dỡ - tháo dỡ, vệ sinh; công tác phục vụ thi công (bốc xếp, vận chuyển, đóng bao, giàn giáo); công tác đất, đá, cát (đào, đắp, bơm, nạo vét, xói hút, vận chuyển và không gồm phá đá bằng nổ mìn)	409.000	358.000

Stt	Nhân công xây dựng	Loại công tác xây dựng	Vùng I	Vùng II
I	**Nhóm nhân công xây dựng**			
2	Nhóm 2	Thi công cọc, gia cố, khoan tạo lỗ, khoan giảm áp, khớp nối, phá đá bằng khoan nổ mìn, bê tông xi măng, lắp đặt cấu kiện bê tông, ván khuôn, cốt thép, bê tông nhựa, xây gạch, đá và các công tác khác chưa được quy định tại nhóm 1, 3 và 4 bảng này	428.000	372.000
3	Nhóm 3	Lắp đặt hệ thống kỹ thuật công trình; đường ray, gia công lắp dựng kết cấu gỗ, kết cấu sắt thép; cáp thép; trát, ốp, lát, láng, làm trần, mái, sơn, bả; khảo sát xây dựng	443.000	386.000
4	Nhóm 4	Lắp đặt, tháo dỡ đường dây tải điện và trạm biến áp, thiết bị công nghệ, thông tin, tín hiệu, đo lường, điều khiển, thí nghiệm	470.000	409.000
II	**Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy**			
1	Nhân công vận hành máy, điều khiển máy		474.000	407.000
2	Lái xe		451.000	388.000
3	Vận hành tầu thuyền *(Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II, thủy thủ, thợ máy, thợ điện)*		456.000	419.000
III	**Nhóm nhân công thực hiện các công tác khác**			
1	Kỹ sư thực hiện khảo sát, thí nghiệm		451.000	419.000
2	Thợ lặn		790.000	729.000
3	Nghệ nhân		707.000	648.000

Ghi chú: Danh mục nhóm công nhân xây dựng được xác định theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

- Bảng đơn giá nhân công xây dựng thành phố Hà Nội nêu trên là thông tin giá nhân công bình quân tại thời điểm xác định của các khu vực nêu trên để các chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị có liên quan, tham khảo trong quá trình lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại các Nghị định về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Chính phủ.

- Đơn giá nhân công trên là đơn giá nhân công trung bình trong khu vực, làm việc 26 ngày công/tháng; 1 ngày công là 8 giờ, không bao gồm các khoản bảo hiểm